

NGHỊ QUYẾT

Quy định thời gian gửi báo cáo tài chính - ngân sách; thời gian giao dự toán ngân sách hàng năm; thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp huyện, cấp xã; hệ thống biểu mẫu phục vụ lập báo cáo tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Khoản 2, 3, 4 Điều 13 Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Xét Tờ trình số 151/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định thời gian gửi báo cáo tài chính - ngân sách, thời gian giao dự toán ngân sách hàng năm, thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân

sách cấp huyện, cấp xã và hệ thống biểu mẫu phục vụ lập báo cáo tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định thời gian gửi báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương; kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương; kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương; dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương của UBND các cấp đến các Ban của HĐND, Thường trực HĐND và HĐND cùng cấp; thời gian giao dự toán ngân sách địa phương của UBND các cấp cho các cơ quan, đơn vị và ngân sách cấp dưới; thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách của HĐND cấp huyện, cấp xã, cụ thể như sau:

1. Thời gian gửi báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương; kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương; kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương; dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương:

a) Báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương:

UBND tỉnh gửi báo cáo đến Ban Kinh tế - Ngân sách, Thường trực HĐND tỉnh và HĐND tỉnh trước ngày 10 tháng 11 của năm liền trước kế hoạch tài chính 05 năm.

b) Báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương:

UBND gửi báo cáo đến Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh (Ban Kinh tế - Xã hội HĐND cấp huyện, cấp xã), Thường trực HĐND và HĐND cùng cấp trước ngày 10 tháng 11 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

c) Báo cáo kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương:

UBND tỉnh gửi báo cáo đến Ban Kinh tế - Ngân sách, Thường trực HĐND tỉnh và HĐND tỉnh trước ngày 20 tháng 11 của năm liền trước kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

d) Báo cáo dự toán, phân bổ ngân sách địa phương hàng năm:

- Cấp tỉnh: UBND gửi báo cáo đến Ban Kinh tế - Ngân sách, Thường trực HĐND và HĐND trước ngày 20 tháng 11 năm hiện hành (trước năm dự toán ngân sách).

- Cấp huyện: UBND gửi báo cáo đến Ban Kinh tế - Xã hội, Thường trực HĐND và HĐND trước ngày 12 tháng 12 năm hiện hành (trước năm dự toán ngân sách).

- Cấp xã: UBND gửi báo cáo đến Ban Kinh tế - Xã hội, Thường trực HĐND và HĐND trước ngày 22 tháng 12 năm hiện hành (trước năm dự toán ngân sách).

đ) Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương hàng năm:

- Cấp tỉnh: UBND gửi báo cáo đến Ban Kinh tế - Ngân sách, Thường trực HĐND và HĐND trước ngày 10 tháng 11 năm hiện hành (sau năm quyết toán ngân sách).

- Cấp huyện: UBND gửi báo cáo đến Ban Kinh tế - Xã hội, Thường trực HĐND và HĐND trước ngày 05 tháng 7 năm hiện hành (sau năm quyết toán ngân sách).

- Cấp xã: UBND gửi báo cáo đến Ban Kinh tế - Xã hội, Thường trực HĐND và HĐND trước ngày 01 tháng 6 năm hiện hành (sau năm quyết toán ngân sách).

e) Báo cáo về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương:

- Trường hợp Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương ngay từ đầu năm, UBND tỉnh gửi báo cáo đến Ban Kinh tế - Ngân sách, Thường trực HĐND tỉnh, HĐND tỉnh trước ngày 20 tháng 6 của năm liền trước thời kỳ ổn định ngân sách mới.

- Trường hợp Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương sau ngày 30 tháng 6, UBND tỉnh gửi báo cáo đến Ban Kinh tế - Ngân sách, Thường trực HĐND tỉnh, HĐND tỉnh trước ngày 20 tháng 11 của năm liền trước thời kỳ ổn định ngân sách mới.

2. Quy định thời gian giao dự toán ngân sách địa phương năm sau của UBND các cấp cho các cơ quan, đơn vị và ngân sách cấp dưới:

a) Cấp tỉnh: Trước ngày 15 tháng 12 năm hiện hành.

b) Cấp huyện: Trước ngày 25 tháng 12 năm hiện hành.

c) Cấp xã: Trước ngày 31 tháng 12 năm hiện hành.

3. Quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách năm trước của HĐND cấp huyện, cấp xã:

a) Cấp huyện: Trước ngày 30 tháng 7 của năm hiện hành.

b) Cấp xã: Trước ngày 30 tháng 6 của năm hiện hành.

Điều 2. Quy định biểu mẫu của các cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính-kế hoạch và UBND cấp trên phục vụ lập báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm địa phương; kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương; kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước 03 năm địa phương; dự toán, phân bổ ngân sách địa phương và quyết toán ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương, cụ thể:

1. Biểu mẫu phục vụ lập kế hoạch tài chính 5 năm địa phương: Biểu số 01; 02.

2. Biểu mẫu phục vụ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm địa phương: Biểu số 03; 04; 05; 06; 07.

3. Biểu mẫu phục vụ lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm địa phương: Từ biểu số 08 đến biểu 28.

4. Biểu mẫu phục vụ lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm: Theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC; Thông tư số 344/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. Biểu mẫu phục vụ xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương: Biểu 29; 30.

(Kèm theo danh mục và mẫu biểu chi tiết)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này được áp dụng từ năm ngân sách 2017 đối với việc lập, thẩm tra, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; từ năm ngân sách 2018 đối với việc lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương; từ năm ngân sách 2021 đối với việc lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương và kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương.

2. Đối với việc gửi báo cáo quyết toán ngân sách và thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp huyện, cấp xã năm 2016 áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 24/2003/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2003 của HĐND tỉnh về việc Quy định thời gian gửi báo cáo dự toán, phương án phân bổ và quyết toán ngân sách của UBND đến Thường trực HĐND cùng cấp; thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách của HĐND cấp dưới.

3. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

4. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

5. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 24/2003/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2003 của HĐND tỉnh.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Vĩnh Phúc khóa XVI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2017. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ kế hoạch và Đầu tư;
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy khối các cơ quan, Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực huyện, thành, thị ủy;
- HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp huyện;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh và Truyền hình, Cổng Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh;
- CPVP, CV VPHĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Vinh

DANH MỤC MẪU BIỂU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 07 năm 2017 của HDDND tỉnh)



SỐ THỨ TỰ MẪU BIỂU	NỘI DUNG MẪU BIỂU	CƠ QUAN BÁO CÁO VÀ CƠ QUAN NHẬN BÁO CÁO
Phần thứ nhất	Biểu mẫu lập kế hoạch tài chính 5 năm địa phương	
Mẫu biểu số 01:	Kế hoạch tài chính ngân sách giai đoạn 5 năm	UBND huyện báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên
Mẫu biểu số 02:	Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm	Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp
Phần thứ hai	Biểu mẫu lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương	
Mẫu biểu số 03:	Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 05 năm....	UBND huyện báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cấp trên
Mẫu biểu số 04:	Tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN của các cơ quan, đơn vị và địa phương giai đoạn 5 năm	UBND cấp huyện, các cơ quan, đơn vị báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cấp trên
Mẫu biểu số 05:	Tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN của địa phương giai đoạn 05 năm...	UBND cấp xã báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cấp trên
Mẫu biểu số 06:	Tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN của địa phương giai đoạn 05 năm...	Các sở ban, ngành báo cáo cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cấp trên
Mẫu biểu số 07:	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước địa phương giai đoạn 05 năm....	UBND huyện báo cáo cơ quan kế hoạch cấp trên
Phần thứ ba	Biểu mẫu phục vụ lập kế hoạch - tài chính ngân sách nhà nước 3 năm địa phương	
Mẫu biểu số 08:	Dự kiến cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 03 năm...	UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo cơ quan tài chính cấp trên
Mẫu biểu số 09:	Dự kiến thu ngân sách nhà nước theo lĩnh vực giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 10:	Dự kiến cân đối nguồn thu, chi ngân sách cấp huyện và ngân sách xã giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 11:	Biểu tổng hợp dự toán thu NSNN năm giai đoạn...	
Mẫu biểu số 12:	Dự kiến thu cân đối ngân sách nhà nước theo sắc thuế giai đoạn 03 năm...	UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cấp trên
Mẫu biểu số 13:	Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 03 năm...	

SỐ THỨ TỰ MẪU BIỂU	NỘI DUNG MẪU BIỂU	CƠ QUAN BÁO CÁO VÀ CƠ QUAN NHẬN BÁO CÁO
Mẫu biểu số 14:	Dự kiến nhu cầu, nguồn và số bổ sung chi thực hiện cải cách tiền lương	UBND cấp huyện báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên
Mẫu biểu số 15:	Cập nhật, đánh giá thu NSNN năm giai đoạn 03 năm...	UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên
Mẫu biểu số 16:	Cập nhật, đánh giá thu cân đối ngân sách nhà nước theo lĩnh vực giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 17:	Cập nhật, đánh giá thu cân đối ngân sách nhà nước theo sắc thuế giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 18:	Cập nhật, đánh giá cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 19:	Cập nhật, đánh giá chi cân đối ngân sách địa phương theo cơ cấu chi giai đoạn 03 năm...	UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cấp trên
Mẫu biểu số 20:	Tổng hợp nhu cầu chi ngân sách nhà nước giai đoạn 03 năm....	Các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cấp trên
Mẫu biểu số 21:	Tổng hợp nhu cầu chi đầu tư phát triển giai đoạn 03 năm...	Các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp
Mẫu biểu số 22:	Tổng hợp nhu cầu chi thường xuyên giai đoạn 03 năm...	Các đơn vị cấp I báo cáo cơ quan Tài chính cùng cấp
Mẫu biểu số 23:	Chi tiết nhu cầu chi thường xuyên giai đoạn 03 năm....	
Mẫu biểu số 24:	Tổng hợp mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu và nhu cầu chi mới giai đoạn 03 năm...	Các đơn vị cấp I báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp
Mẫu biểu số 25:	Dự kiến số thu phí và chi từ nguồn thu phí để lại theo chế độ giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 26:	Cập nhật, đánh giá nhu cầu chi ngân sách nhà nước giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 27:	Cập nhật, đánh giá nhu cầu chi đầu tư phát triển giai đoạn 03 năm...	
Mẫu biểu số 28:	Cập nhật, đánh giá nhu cầu chi thường xuyên giai đoạn 03 năm...	Dùng cho các đơn vị cấp I báo cáo cơ quan Tài chính, cùng cấp
Phần thứ tư	Biểu mẫu phục vụ lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm	

SỐ THỨ TỰ MẪU BIỂU	NỘI DUNG MẪU BIỂU	CƠ QUAN BÁO CÁO VÀ CƠ QUAN NHẬN BÁO CÁO
	Các biểu mẫu	Theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn
Phần thứ năm	Biểu mẫu phục vụ xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách địa phương	
Mẫu biểu số 29:	Tổng hợp dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước giai đoạn 5 năm	UBND cấp huyện báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên
Mẫu biểu số 30:	Báo cáo biên chế- tiền lương của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể năm....	Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính cùng cấp

7

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 05 NĂM...

(UBND cấp huyện báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn trước	Tổng giai đoạn	Thực hiện giai đoạn trước					Kế hoạch giai đoạn (2)
				Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm thứ năm	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN								
	Tốc độ tăng thu NSNN trên địa bàn (%)								
I	Thu nội địa								
	Tốc độ tăng thu (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)								
	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất								
	Thu xổ số kiến thiết								
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu (nếu có)								
	Tốc độ tăng thu (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)								
III	Thu viện trợ (nếu có)								
	Tốc độ tăng thu (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)								
C	TỔNG THU NSDP								
	Tốc độ tăng thu NSDP (%)								
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp								
	Tốc độ tăng (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)								
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên								
	Tốc độ tăng (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)								
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách								
-	Thu bổ sung có mục tiêu								
D	TỔNG CHI NSDP								
	Tốc độ tăng thu NSDP (%)								
I	Chi đầu tư phát triển (1)								
	Tốc độ tăng (%)								
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)								
II	Chi thường xuyên								
	Tốc độ tăng (%)								
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)								
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương								



Biểu mẫu số 02

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 05 NĂM

(Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 5 năm					
		Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm thứ năm
A	B	1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
1	Số thu phí, lệ phí						
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại (Chi tiết theo từng lĩnh vực chi)						
-	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề						
-	Khoa học và công nghệ						
-							
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước						
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước						
I	Chi đầu tư phát triển						
1	Chi đầu tư các dự án, chương trình theo các lĩnh vực						
-	Quốc phòng						
-	An ninh và trật tự, an toàn xã hội						
-	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề						
-	Khoa học và công nghệ						
-	Y tế, dân số và gia đình						
-	Văn hóa thông tin						
-	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
-	Thể dục thể thao						
-	Bảo vệ môi trường						
-	Các hoạt động kinh tế						
-	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể						
-	Bảo đảm xã hội						
-	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật						
2	nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế;						
3	Chi đầu tư phát triển khác						
II	Chi thường xuyên theo các lĩnh vực						

7

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 5 năm					
		Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm thứ năm
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Quốc phòng						
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội						
3	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề						
4	Khoa học và công nghệ						
5	Y tế, dân số và gia đình						
6	Văn hóa thông tin						
7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
8	Thể dục thể thao						
9	Bảo vệ môi trường						
10	Các hoạt động kinh tế						
11	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể						
12	Chi bảo đảm xã hội						
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật						
IV	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu						
1	Chương trình mục tiêu quốc gia						
-	Chi đầu tư phát triển						
-	Chi thường xuyên						
2	Chương trình mục tiêu						
-	Chi đầu tư phát triển						
-	Chi thường xuyên						

.... ngày... tháng... năm...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Biểu mẫu số 03

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 05 NĂM...
(UBND huyện báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cấp trên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 05 năm...(2)			Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 05 năm(2)			Ghi chú
		Tổng số	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Tổng số	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ							
	Trong đó:							
-	Vốn trong nước							
-	Vốn nước ngoài							
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN							
	Trong đó:							
-	Vốn trong nước							
-	Vốn nước ngoài							
1	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất							
2	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết							
3	Vốn cân đối địa phương theo tiêu chí, định mức							
II	CHI ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU							
	Trong đó:							
-	Vốn trong nước							
-	Vốn nước ngoài							
1	Các chương trình mục tiêu quốc gia							
	Trong đó:							
-	Vốn trong nước							
-	Vốn nước ngoài							
a	Chương trình mục tiêu quốc gia...							
	Trong đó:							
-	Vốn trong nước							
-	Vốn nước ngoài							
b	Chương trình mục tiêu quốc gia ...							
	Phân loại như trên							
...	...							
2	Các chương trình mục tiêu							
	Trong đó:							
-	Vốn trong nước							
-	Vốn nước ngoài							
a	Chương trình mục tiêu ...							
	Trong đó:							
-	Vốn trong nước							
-	Vốn nước ngoài							
b	Chương trình mục tiêu...							
	Phân loại như trên							
...	...							
III	DỰ PHÒNG THEO LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG							
1	Vốn trong nước							
2	Vốn nước ngoài							

7

Biểu mẫu số 04

TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 05 NĂM

(UBND cấp huyện, các cơ quan, đơn vị báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cấp trên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó							
			Vốn trong nước				Vốn nước ngoài			
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Đầu tư theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị và cân đối NSDP	Chương trình mục tiêu quốc gia	Chương trình mục tiêu		Đầu tư theo ngành, lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị và cân đối NSDP	Chương trình mục tiêu quốc gia	Chương trình mục tiêu
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số									
1	Cơ quan A									
2	Tổ chức B									
3										
4										
5	Xã A									
6	Phường B									
7	Thị trấn C									
8										

7

(UBND cấp xã báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cấp trên)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

7

Biểu mẫu số 06

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 5 NĂM.....
(Công trình do ngành quản lý)

(Các sở, ban, ngành báo cáo cơ quan Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng																					
TT	Danh mục công trình	Địa điểm XD	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư hoặc chủ trương đầu tư				Khối lượng hoàn thành đến 31/12 năm cuối cùng của kế hoạch đầu tư công trước	Vốn đã cấp đến 31/12 năm cuối cùng của kế hoạch trung hạn trước			Nhu cầu đầu tư tiếp đến ngày 31/12/ năm cuối cùng của kế hoạch trung hạn trước			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn				Chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng mức đầu tư					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số giai đoạn 05 năm	Trong đó				
					Số ngày tháng QĐ	Tổng số	Trong đó				Vốn đầu tư công	Nguồn khác		Vốn đầu tư công	Nguồn khác		Vốn đầu tư công	Nguồn khác			
							Nguồn vốn đầu tư công	Nguồn khác													
I	Ngành.....																				
a	Dự án hoàn thành chưa bố trí đủ vốn																				
b	Dự án chuyển tiếp																				
c	Dự án khởi công mới																				
II	Ngành.....																				

7

Biểu mẫu số 07

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 05 NĂM.....
(Công trình do huyện, xã quản lý)

(UBND cấp huyện báo cáo cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cấp trên)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng																										
TT	Danh mục công trình	Địa điểm XD	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư hoặc chủ trương đầu tư					Khối lượng hoàn thành đến 31/12 năm cuối cùng của kế hoạch đầu tư công trước	Vốn đã cấp đến 31/12 năm cuối cùng của kế hoạch trung hạn trước			Nhu cầu đầu tư tiếp đến ngày 31/12/ năm cuối cùng của kế hoạch trung hạn trước			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn					Chủ đầu tư	Ghi chú			
					Tổng mức đầu tư						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số 05 năm	Trong đó								
					Số ngày tháng QĐ	Tổng số	Trong đó					Vốn đầu tư công	Nguồn khác		Vốn đầu tư công	Nguồn khác		Vốn đầu tư công	Nguồn khác							
							Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn đầu tư công											Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Vốn đầu tư công	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện
	Huyện																									
I	Ngành.....																									
a	Dự án hoàn thành chưa bố trí đủ vốn																									
b	Dự án chuyển tiếp																									
c	Dự án khởi công mới																									
II	Ngành.....																									

DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM...
(UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên)

Biểu mẫu số 08

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm N-1	Ước thực hiện năm N-1	So sánh		Dự toán ngân sách năm N (2)	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
				Tuyệt đối	Tương đối			
A	B	1	2	3= 2-1	4= 2/1	5	6	7
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP							
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp							
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên							
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách							
2	Thu bổ sung có mục tiêu							
III	Thu kết dư							
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang							
B	TỔNG CHI NSDP							
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương							
1	Chi đầu tư phát triển							
2	Chi thường xuyên							
3	Dự phòng ngân sách							
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương							
II	Chi các chương trình mục tiêu							
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia							
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ							
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau							

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

✓

DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 03 NĂM...
(UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên)

Biểu mẫu số 09

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm N-1	Dự toán ngân sách năm N	So sánh	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
A	B	4	5	6=5/4	7	8
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC					
I	Thu nội địa					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					
	Trong đó:					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý					
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
5	Thuế thu nhập cá nhân					
6						
7	Lệ phí trước bạ					
8	Thu tiền sử dụng đất					
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					
III	Thu viện trợ					
	Tốc độ tăng thu (%)					
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)					

2

DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ
GIẢI ĐOẠN 03 NĂM...

(Dùng cho UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên)

Biểu mẫu số 10

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm N-1	Ước thực hiện năm N-1	Dự toán ngân sách năm N (1)	Dự kiến ngân sách năm N+1	Dự kiến ngân sách năm N+2
A	B	1	2	3	4	5
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN					
I	Nguồn thu ngân sách					
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp					
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
-	Thu bổ sung có mục tiêu					
3	Thu kết dư					
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
II	Chi ngân sách					
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện					
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới					
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách					
-	Chi bổ sung có mục tiêu					
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
B	NGÂN SÁCH XÃ					
I	Nguồn thu ngân sách					
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp					
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
-	Thu bổ sung có mục tiêu					
3	Thu kết dư					
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
II	Chi ngân sách					
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách xã					
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

Ghi chú: (1) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM GIAI ĐOẠN ...

(Dùng cho UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN CẤP TRÊN GIAO	DỰ TOÁN HĐND QUYẾT ĐỊNH	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
		1	2	3	4	5	6
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)						
I	THU NỘI ĐỊA						
1	1. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>						
	- Thuế tài nguyên						
2	2. Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>						
	- Thuế tài nguyên						
3	3. Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thu từ khí thiên nhiên						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	<i>Trong đó: - Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>						
	- Thuế tài nguyên						
	<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>						
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước						
4	4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh						

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN CẤP TRÊN GIAO	DỰ TOÁN HỢP ĐỒNG QUYẾT ĐỊNH	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
		1	2	3	4	5	6
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước						
	- Thuế tài nguyên						
5	Lệ phí trước bạ						
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
8	Thuế thu nhập cá nhân						
9	Thuế bảo vệ môi trường						
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu						
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước						
10	Phí, lệ phí						
	Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu						
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu						
	Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản						
11	Tiền sử dụng đất						
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc TW quản lý						
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý						
12	Thu tiền thuê đất, mặt nước						
13	Thu tiền sử dụng khu vực biển						
	Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương						
	- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương						
14	Thu từ bán tài sản nhà nước						
	Trong đó: - Do trung ương						
	- Do địa phương						
15	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước						
	Trong đó: - Do trung ương xử lý						
	- Do địa phương xử lý						
16	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
17	Thu khác ngân sách						

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN CẤP TRÊN GIAO	DỰ TOÁN HẸND QUYẾT ĐỊNH	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
		1	2	3	4	5	6
	<i>Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương</i>						
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
	<i>Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp</i>						
	<i>- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp</i>						
19	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
20	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (địa phương hưởng 100%)						
21	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả hoạt động xổ số điện toán)						
II	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
4	Thuế bảo vệ môi trường						
5	Thuế giá trị gia tăng						

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

..., ngày ... tháng ... năm ...
TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

DỰ KIẾN THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO SẮC THUẾ GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Dùng cho UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)		DỰ KIẾN NĂM DỰ TOÁN (N)	SO SÁNH NĂM N VỚI ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	DỰ KIẾN NĂM N+1	DỰ KIẾN NĂM N+2
		DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN				
		1	2	3	4=3/2	5	6
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)						
I	Các khoản thu từ thuế						
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa SX-KD trong nước						
2	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa sản xuất trong nước						
3	Thuế BVMT thu từ hàng hóa SX-KD trong nước						
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
5	Thuế thu nhập cá nhân						
6	Thuế tài nguyên						
II	Các khoản phí, lệ phí						
1	Lệ phí trước bạ						
2	Các loại phí, lệ phí						
III	Các khoản thu về nhà đất						
1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
3	Thu tiền cho thuê đất, mặt nước, mặt biển						
4	Thu tiền sử dụng đất						

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)	DỰ KIẾN NĂM DỰ TOÁN (N)	SO SÁNH NĂM N VỚI ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	DỰ KIẾN NĂM N+1	DỰ KIẾN NĂM N+2
		DỰ TOÁN				
		1	2	3	4=3/2	5
5	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
IV	Thu khác					
1	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản					
2	Thu bán tài sản nhà nước					
3	Các khoản thu khác còn lại					

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

....., ngày ... tháng... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Dùng cho UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cấp trên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN CẤP TRÊN GIAO	DỰ TOÁN HỌND QUYẾT ĐỊNH	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
		1	2	3	4	5	6
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						
	Trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương tính tỷ lệ điều tiết, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương						
1	Chi đầu tư phát triển						
1.1	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật						
1.2	Chi đầu tư phát triển còn lại (1-1.1)						
	Trong đó:						
1.2.1	Chi đầu tư phát triển của các dự án phân theo nguồn vốn						
a	Chi đầu tư XDCB vốn trong nước						
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất						
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết						
d	Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương						
1.2.2	Chi đầu tư phát triển phân theo lĩnh vực						
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề						

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		ĐƯ TOÁN CẤP TRÊN GIAO	ĐƯ TOÁN HỖN QUYẾT ĐỊNH	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
		1	2	3	4	5	6
b	Chi khoa học và công nghệ						
							
2	Chi thường xuyên						
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề						
b	Chi khoa học và công nghệ						
							
3	Dự phòng ngân sách						
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương						
II	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

....., ngày ... tháng ... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

DỰ KIẾN NHU CẦU, NGUỒN VÀ SỔ BỔ SUNG CHI THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG

(Dùng cho UBND cấp huyện báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N - 1)			DỰ KIẾN 03 NĂM KẾ HOẠCH		
		DỰ TOÁN	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN	KINH PHÍ TĂNG THÊM	NĂM DỰ TOÁN (N)	NĂM N+1	NĂM N+2
A	B	1	2	3=2-1	4	5	6
I	Tổng chi quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp làm thêm giờ)						
	Trong đó:						
(1)	Tổng chi quỹ lương theo tiền lương cơ sở đã được quyết định trước 31/12 năm n-1						
-	Tổng chi quỹ lương theo tiền lương cơ sở đã dự kiến						
-	Điều chỉnh quỹ tiền lương (bao gồm cả kinh phí còn thiếu của các năm trước)						
(2)	Tổng chi quỹ lương do tăng tiền lương cơ sở						
II	Tổng nguồn kinh phí thực hiện CCTL						
(1)	10% tiết kiệm chi thường xuyên						
(2)	50% tăng thu NSDP						
	- 50% tăng thu NSDP dự toán năm nay so năm trước						
	- 50% tăng thu NSDP thực hiện năm trước so dự toán năm trước						
(3)	Từ nguồn giá học phí						
(4)	Từ nguồn giá viện phí						
(5)	Thu sự nghiệp khác						
III	Kinh phí đề xuất phải bổ sung hoặc chuyển nguồn	I-II	I-II		I-II	I-II	I-II

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

..., ngày ... tháng ... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ THU NSNN NĂM GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...
(Dùng cho UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC M-1	NĂM THỰC HÀNH M*		Đánh giá thực hiện	NĂM M+1		NĂM M+2	
			UBND tỉnh giao	HĐND cấp huyện thống qua		KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)	1	3	4	5	7	8	10	11
I	I. THU NỘI ĐỊA								
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý								
	- Thuế giá trị gia tăng								
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp								
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt								
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước								
	- Thuế tài nguyên								
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý								
	- Thuế giá trị gia tăng								
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp								
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt								
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước								
	- Thuế tài nguyên								
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài								
	- Thuế giá trị gia tăng								
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp								
	- Thu từ khí thiên nhiên								
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt								
	Trong đó: - Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước								
	- Thuế tài nguyên								
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước								
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh								
	- Thuế giá trị gia tăng								
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp								
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt								
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước								
	- Thuế tài nguyên								
5	Lệ phí trước bạ								
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp								
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp								
8	Thuế thu nhập cá nhân								
9	Thuế bảo vệ môi trường								
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu								

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC M-1	NĂM HIỆN HÀNH M*			NĂM M+1		NĂM M+2	
			UBND tỉnh giáp	HDND cấp huyện thông qua	Đánh giá thực hiện	KẾ HOẠCH TRÌNH HỌND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HỌND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	1	3	4	5	7	8	10	11
10	Phí, lệ phí								
	Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu								
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu								
	Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản								
11	Tiền sử dụng đất								
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý								
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý								
12	Thu tiền thuê đất, mặt nước								
13	Thu tiền sử dụng khu vực biển								
	Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương								
	- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương								
14	Thu từ bán tài sản nhà nước								
	Trong đó: - Do trung ương								
	- Do địa phương								
15	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước								
	Trong đó: - Do trung ương xử lý								
	- Do địa phương xử lý								
16	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước								
17	Thu khác ngân sách								
	Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương								
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản								
	Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp								
	- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp								
19	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác								
20	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (địa phương hưởng 100%)								
21	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả hoạt động xổ số điện toán)								
II	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU								
1	Thuế xuất khẩu								
2	Thuế nhập khẩu								
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt								
4	Thuế bảo vệ môi trường								
5	Thuế giá trị gia tăng								

Ghi chú: (*) Đây là năm dự toán trong kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã báo cáo cấp thẩm quyền năm trước

..., ngày ... tháng ... năm ...
TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 03 NĂM

(Dùng cho UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ TH NĂM TRƯỚC (M-1)			NĂM HIỆN HÀNH (M)*			NĂM M+1		NĂM M+2	
		ƯỚC TH TRÌNH HỌND	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	SO SÁNH TH/KH (%)	DỰ TOÁN HỌND THỐNG QUA	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	SO SÁNH KNTH-DT	KẾ HOẠCH TRÌNH HỌND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HỌND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3=2/1	4	5	6=5/4	7	8	9	10
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)										
I	Thu nội địa										
	Tốc độ tăng thu (%)										
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)										
	Trong đó:										
1	Thu từ khu vực DNNN do TW quản lý										
2	Thu từ khu vực DNNN do ĐP quản lý										
3	Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN										
4	Thu từ khu vực kinh tế NQD										
5	Thuế thu nhập cá nhân										
6	Thuế bảo vệ môi trường										
7	Lệ phí trước bạ										
8	Thu tiền sử dụng đất										
9	Thu từ hoạt động sở xố kiến thiết										
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế,										
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu										
	Tốc độ tăng thu (%)										
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)										
III	Thu viện trợ										
	Tốc độ tăng thu (%)										
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)										

Ghi chú: (*) Đây là năm dự toán trong kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã báo cáo cấp thẩm quyền năm trước

7

....., ngày ... tháng... năm

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO SẮC THUẾ GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Dùng cho UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ TH NĂM TRƯỚC (M-1)			NĂM HIỆN HÀNH (M)*			NĂM M+1		NĂM M+2	
		ƯỚC TH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	SỐ SÁNH TH/KH (%)	DỰ TOÁN	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	SỐ SÁNH KNTH-DT	KẾ HOẠCH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3=2/1	4	5	6=5/4	7	8	9	10
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)										
I	Các khoản thu từ thuế										
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa SX-KD trong nước										
2	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa sản xuất trong nước										
3	Thuế BVMT thu từ hàng hóa SX-KD trong nước										
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp										
5	Thuế thu nhập cá nhân										
6	Thuế tài nguyên										
II	Các khoản phí, lệ phí										
1	Lệ phí trước bạ										
2	Các loại phí, lệ phí										
III	Các khoản thu về nhà đất										

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ TH NĂM TRƯỚC (M-1)		NĂM HIỆN HÀNH (M)*				NĂM M+1		NĂM M+2	
		ƯỚC TH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	SỐ SÁNH TH/KH (%)	ĐƯ TOÁN	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	SỐ SÁNH KNTH-DT	KẾ HOẠCH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3=2/1	4	5	6=5/4	7	8	9	10
1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp										
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp										
3	Thu tiền cho thuê đất, mặt nước, mặt biển										
4	Thu tiền sử dụng đất										
5	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước										
IV	Thu khác										
1	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản										
2	Thu bán tài sản nhà nước										
3	Các khoản thu khác còn lại										

Ghi chú: (*) Đây là năm dự toán trong kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã báo cáo cấp thẩm quyền năm trước

..., ngày ... tháng... năm ...
TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Dùng cho UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ TH NĂM TRƯỚC (M-1)			NĂM HIỆN HÀNH (M)			NĂM M+1		NĂM M+2	
		KẾ HOẠCH	ƯỚC THỰC HIỆN	SỐ SÁNH TH/KH (%)	KẾ HOẠCH	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	SỐ SÁNH KNTH-KH	KẾ HOẠCH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3=2/1	4	5	6=5/4	7	8	9	10
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP										
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp										
II	Thu bổ sung từ NSTW										
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách										
2	Thu bổ sung có mục tiêu										
III	Thu kết dư										
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang										
B	TỔNG CHI NSDP										
I	Tổng chi cân đối NSDP										
1	Chi đầu tư phát triển										
2	Chi thường xuyên										
3	Dự phòng ngân sách										
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương										
II	Chi các CTMT từ nguồn bổ sung từ NSTW										
1	Chi thực hiện các CT mục tiêu quốc gia										
2	Chi thực hiện các CT mục tiêu, nhiệm vụ										
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau										

Ghi chú: (*) Đây là năm dự toán trong kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm đã báo cáo cấp thẩm quyền năm trước

..., ngày ... tháng ... năm ...

**TM/ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu)

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI GIAI ĐOẠN 03 NĂM

(Dùng cho UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cấp trên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ TH NĂM TRƯỚC (M-1)			NĂM HIỆN HÀNH (M)*			NĂM M+1		NĂM M+2	
		ƯỚC TH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	SỐ SÁNH TH/KH (%)	DỰ TOÁN	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	SỐ SÁNH KNTH-DT	KẾ HOẠCH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3=2/1	4	5	6=5/4	7	8	9	10
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG										
	Trong đó: Chi cân đối ngân sách địa phương tính tỷ lệ điều tiết, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương										
1	Chi đầu tư phát triển										
1.1	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật										
1.2	Chi đầu tư phát triển còn lại (1-1.1)										
	Trong đó:										
1.2.1	Chi đầu tư phát triển của các dự án phân theo nguồn vốn										
a	Chi đầu tư XD CB vốn trong nước										
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất										
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết										
1.2.2	Chi đầu tư phát triển phân theo lĩnh vực										
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề										
b	Chi khoa học và công nghệ										
											
2	Chi thường xuyên										
a	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề										

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ TH NĂM TRƯỚC (M-1)			NĂM HIỆN HÀNH (M)*			NĂM M+1		NĂM M+2	
		ƯỚC TH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	SỐ SÁNH TH/KH (%)	DỰ TOÁN	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	SỐ SÁNH KNTH-DT	KẾ HOẠCH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3=2/1	4	5	6=5/4	7	8	9	10
b	Chi khoa học và công nghệ										
											
3	Dự phòng ngân sách										
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương										
II	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG										

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị ...

Chương ...

Biểu mẫu số 20

TỔNG HỢP NHU CẦU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cấp trên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH		DỰ KIẾN NĂM DỰ TOÁN (N)			SO SÁNH NHU CẦU NĂM N VỚI TH NĂM N- 1	DỰ KIẾN NĂM N+1			DỰ KIẾN NĂM N+2		
		DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	NHU CẦU CHI CỦA ĐƠN VỊ	CHÊNH LỆCH TRẦN CHI - NHU CẦU		TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	NHU CẦU CHI CỦA ĐƠN VỊ	CHÊNH LỆCH TRẦN CHI - NHU CẦU	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	NHU CẦU CHI CỦA ĐƠN VỊ	CHÊNH LỆCH TRẦN CHI - NHU CẦU
		1	2	3	4	5=3-4	6=4/2	7	8	9=7-8	10	11	12=10-11
A	TỔNG NHU CẦU CHI NSNN												
I	Chi đầu tư phát triển (1+2+3)												
1	Chi đầu tư các dự án (*)												
	Chi quốc phòng												
	Chi an ninh và trật tự ATXH												
													
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho DN cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn NN vào DN												
3	Chi đầu tư phát triển khác												
II	Chi thường xuyên* (1+2+...)												
1	Chi quốc phòng												
2	Chi an ninh và trật tự ATXH												
													
B	CHI TỪ NGUỒN THU PHÍ ĐƯỢC ĐỂ LẠI CHO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG THEO QUY ĐỊNH												
1	Chi sự nghiệp.....												
2	Chi sự nghiệp.....												
....													
....	Chi quản lý hành chính												
C	NHU CẦU CHI CÒN LẠI, SAU KHI TRỪ ĐI SỐ CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI CHO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG (A-B)												
I	Chi đầu tư phát triển												

1	Chi đầu tư các dự án*												
	Chi quốc phòng												
	Chi an ninh và trật tự ATXH												
													
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp												
3	Chi đầu tư phát triển khác												
II	Chi thường xuyên*												
1	Chi quốc phòng												
2	Chi an ninh và trật tự ATXH												
													

Ghi chú: (*) Nhiệm vụ chi phát sinh thuộc lĩnh vực chi nào thì thể hiện lĩnh vực chi đó, không cần phải thể hiện đủ các lĩnh vực chi theo quy định.
 Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Tên cơ quan, đơn vị ...

Chương ...

Biểu mẫu số 21

TỔNG HỢP NHU CẦU CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG ⁽²⁾	THỰC HIỆN NĂM HIỆN HÀNH (N-1)	NHU CẦU NĂM DỰ TOÁN (N)	NHU CẦU NĂM N+1	NHU CẦU NĂM N+2
I	TRẦN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC THÔNG BÁO				
II	NHU CẦU CHI CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ				
1	Chi đầu tư phát triển cơ sở				
a	Vốn thanh toán nợ đọng XDCB theo quy định nhưng đến hết kế hoạch năm trước chưa bố trí được nguồn để thanh toán				
b	Vốn thu hồi các khoản ứng trước dự toán để đẩy nhanh tiến độ các dự án đang thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ				
c	Vốn đầu tư cho các dự án chuyển tiếp, các dự án khởi công mới trong năm hiện hành; tiếp tục thực hiện trong năm tiếp theo				
d	Vốn thực hiện các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật				
2	Chi đầu tư phát triển mới				
a	Vốn đầu tư của dự án được bố trí vốn bắt đầu thực hiện (khởi công mới) năm hiện hành nhưng không triển khai được và không được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định				
b	Vốn thu hồi các khoản ứng trước dự toán để khởi công mới các dự án theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ				
c	Vốn đầu tư cho các dự án bắt đầu thực hiện trong năm dự toán				
d	Dự án được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trong thời gian xen giữa 02 kế hoạch đầu tư công trung hạn và chắc chắn được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, có nhu cầu triển khai thực hiện ngay từ năm đầu tiên của kế hoạch trung hạn giai đoạn sau				
d	Nghiên cứu khả thi cho các dự án được triển khai trong kế hoạch trung hạn sau				
III	CHÊNH LỆCH TRẦN CHI-NHU CẦU (I-II)				

Ghi chú: (1) Bao gồm 13 lĩnh vực quy định tại Luật ngân sách nhà nước, như: Quốc phòng, an ninh trật tự và an toàn xã hội....; trường hợp cơ quan, đơn vị được giao dự toán ở một lĩnh vực chi thì chỉ tổng hợp nhu cầu chi theo mẫu biểu 18

(2) Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên

(3) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

..., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Tên cơ quan, đơn vị ...

Chương ...

Biểu mẫu số 22

TỔNG HỢP NHU CẦU CHI THƯỜNG XUYÊN GIAI ĐOẠN 03 NĂM

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG (*)	THỰC HIỆN NĂM HIỆN HÀNH (N-1)	NĂM DỰ TOÁN (N)			NĂM N + 1			NĂM N + 2		
			TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	NHU CẦU CỦA ĐƠN VỊ	CHÊNH LỆCH NHU CẦU TRẦN CHI	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	NHU CẦU CỦA ĐƠN VỊ	CHÊNH LỆCH NHU CẦU TRẦN CHI	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	NHU CẦU CỦA ĐƠN VỊ	CHÊNH LỆCH NHU CẦU - TRẦN CHI
		1	2	3	4=3-2	5	6	7=6-5	8	9	10=9-8
	TỔNG NHU CẦU										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
1	Quốc phòng										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
3	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
4											

Ghi chú: Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

7



Tên cơ quan, đơn vị ...
Chương ...

Biểu mẫu số 23

CHI TIẾT NHU CẦU CHI THƯỜNG XUYÊN GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	LĨNH VỰC ⁽¹⁾ /NỘI DUNG CHI	THỰC HIỆN NĂM HIỆN HÀNH (N-1)	NHU CẦU NĂM DỰ TOÁN (N)	NHU CẦU NĂM N+1	NHU CẦU NĂM N+2
	TỔNG NHU CẦU CHI THƯỜNG XUYÊN				
	TRONG ĐÓ: - CHI THƯỜNG XUYÊN CƠ SỞ				
	- CHI THƯỜNG XUYÊN MỚI				
1	Quốc phòng				
a	Chi thường xuyên cơ sở				
(1)	Dự toán/dự kiến bố trí				
(2)	Các điều chỉnh chi tiêu cơ sở				
	- Thay đổi kỹ thuật (chi tiết theo từng đề xuất cụ thể)				
	- Thực hiện cắt giảm dự toán để đảm bảo mục tiêu cân đối NSNN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền				
b	Chi thường xuyên mới ⁽²⁾				
(1)	Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách đã ban hành trước đây nhưng đến giai đoạn kế hoạch này mới bố trí được nguồn để triển khai				
(2)	Kinh phí duy trì thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động mới được bổ sung ở năm hiện hành, tiếp tục thực hiện năm dự toán và các năm tiếp theo.				
(3)	Kinh phí tăng thêm khi tăng quy mô biên chế của cơ quan, đơn vị theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền				
(4)	Kinh phí duy tu bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị để vận hành các dự án đầu tư mới hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm dự toán;				
(5)	Kinh phí cho các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách bắt đầu thực hiện trong năm dự toán, bao gồm cả kinh phí sự nghiệp đối ứng cho các dự án mới sử dụng vốn ngoài nước				

(6)	Kinh phí thực hiện cải cách mức tiền lương cơ sở theo quyết định của cấp có thẩm quyền.				
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				
a	Chi thường xuyên cơ sở				
(1)	Dự toán/dự kiến bố trí				
(2)	Các điều chỉnh chi tiêu cơ sở				
	- Thay đổi kỹ thuật (chi tiết theo từng đề xuất cụ thể)				
	- Thực hiện cắt giảm dự toán để đảm bảo mục tiêu cân đối NSNN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền				
b	Chi thường xuyên mới ⁽²⁾				
(1)	Kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách đã ban hành trước đây nhưng đến giai đoạn kế hoạch này mới bố trí được nguồn để triển khai				
(2)	Kinh phí duy trì thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động mới được bổ sung ở năm hiện hành, tiếp tục thực hiện năm dự toán và các năm tiếp theo.				
(3)	Kinh phí tăng thêm khi tăng quy mô biên chế của cơ quan, đơn vị theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền				
(4)	Kinh phí duy tu bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị để vận hành các dự án đầu tư mới hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm dự toán;				
(5)	Kinh phí cho các nhiệm vụ, hoạt động, chế độ, chính sách bắt đầu thực hiện trong năm dự toán, bao gồm cả kinh phí sự nghiệp đối ứng cho các dự án mới sử dụng vốn ngoài nước				
(6)	Kinh phí thực hiện cải cách mức tiền lương cơ sở theo quyết định của cấp có thẩm quyền.				
3	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
					

Ghi chú: (1) Bao gồm 13 lĩnh vực quy định tại luật Ngân sách nhà nước, như: Quốc phòng, an ninh trật tự và an toàn

(2) Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên

(3) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách.

..., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ NHU CẦU CHI MỚI GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...
(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	LĨNH VỰC CHI	MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ	CƠ SỞ PHÁP LÝ/ THỰC TIỄN	HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU	NGUỒN KINH PHÍ	NHU CẦU CHI								
						TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHIA RA		CHI THƯỜNG XUYÊN	TRONG ĐÓ	
							CHI CƠ SỞ	CHI MỚI		CHI CƠ SỞ	CHI MỚI		CHI CƠ SỞ	CHI MỚI
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8=11+14	9=12+15	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15
I	Giáo dục - đào tạo													
1	Giáo dục tiểu học	Mục tiêu, nhiệm vụ 1	Nghị quyết QH	Hoạt động 1	NSNN									
				Hoạt động 2	NSNN									
					Thu phí									
		Mục tiêu, nhiệm vụ 2	Nghị quyết CP	Hoạt động 1										
				Hoạt động 2										
														
2	Đào tạo cao đẳng	Mục tiêu, nhiệm vụ ...		Hoạt động ...										
														
II	Y tế													
1	Y tế dự phòng	Mục tiêu, nhiệm vụ ...		Hoạt động ...										
														
...														

..., ngày ... tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

7

Tên cơ quan, đơn vị ...

Biểu mẫu số 25

Chương ...

**DỰ KIẾN SỐ THU PHÍ VÀ CHI TỪ NGUỒN THU PHÍ ĐƯỢC ĐỂ LẠI THEO CHẾ ĐỘ
GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...**

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư
cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN HÀNH (N-1)	NĂM DỰ TOÁN (N)	SỐ SÁNH NĂM N VỚI THỰC HIỆN NĂM N-1	NĂM N+1	NĂM N+2
		1	2	3=2/1	4	5
I	Tổng số thu phí					
1	Phí A					
2	Phí B					
						
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
2	Chi sự nghiệp y tế					
.....	Chi sự nghiệp.....					
.....	Chi quản lý hành chính					
III	Số phí nộp NSNN (I - II)					

..., ngày ... tháng ... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

7

Tên cơ quan, đơn vị ...
Chương ...

Biểu mẫu số 26

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ NHU CẦU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...
(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	KẾT QUẢ NĂM TRƯỚC (M - 1)			NĂM HIỆN HÀNH (M)			NĂM M+1		NĂM M+2	
		DỰ TOÁN GIAO	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	SỐ SÁNH TH/KH (%)	DỰ TOÁN GIAO	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	SỐ SÁNH TH/KH (%)	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3=2/1	4	5	6=5/4	7	8	9	10
A	TỔNG NHU CẦU CHI NSNN										
I	Chi đầu tư phát triển (1+2+3)										
1	Chi đầu tư các dự án (*)										
	Chi quốc phòng										
	Chi an ninh và trật tự ATXH										
											
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho DN cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn NN vào DN										
3	Chi đầu tư phát triển khác										
II	Chi thường xuyên* (1+2+...)										
1	Chi quốc phòng										
2	Chi an ninh và trật tự ATXH										
											
B	CHI TỪ NGUỒN THU PHÍ ĐƯỢC ĐỀ LẠI CHO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG THEO QUY ĐỊNH										
1	Chi sự nghiệp.....										
2	Chi sự nghiệp.....										
....											
....	Chi quản lý hành chính										
C	NHU CẦU CHI CÒN LẠI, SAU KHI TRỪ ĐI SỐ CHI TỪ NGUỒN THU ĐỀ LẠI CHO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG (A-B)										
I	Chi đầu tư phát triển										
1	Chi đầu tư các dự án*										
	Chi quốc phòng										
	Chi an ninh và trật tự ATXH										
											
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp										
3	Chi đầu tư phát triển khác										
II	Chi thường xuyên*										
1	Chi quốc phòng										
2	Chi an ninh và trật tự ATXH										
											

Ghi chú: (*) Nhiệm vụ chi phát sinh thuộc lĩnh vực chi nào thì thể hiện lĩnh vực chi đó, không cần thể hiện đủ các lĩnh vực chi.

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

7



Tên cơ quan, đơn vị ...
Chương ...

Biểu mẫu số 27

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ NHU CẦU CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính, cơ quan Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC (M-1)	NĂM HIỆN HÀNH (M)			DỰ KIẾN NĂM M + 1			DỰ KIẾN NĂM M + 2		
			DỰ TOÁN GIAO	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	CHÊNH LỆCH THỰC HIỆN - DỰ TOÁN	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	KẾ HOẠCH LẬP NĂM TRƯỚC	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	KẾ HOẠCH LẬP NĂM TRƯỚC	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3	4=3-2	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ										
1	Chi đầu tư phát triển cơ sở										
a	Vốn thanh toán nợ đọng XDCB theo quy định nhưng đến hết kế hoạch năm trước chưa bố trí được nguồn để thanh toán										
b	Vốn thu hồi các khoản ứng trước dự toán để đẩy nhanh tiến độ các dự án đang thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ										
c	Vốn đầu tư cho các dự án chuyển tiếp, các dự án khởi công mới trong năm hiện hành; tiếp tục thực hiện trong năm tiếp theo										
d	Vốn thực hiện các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật										
2	Chi đầu tư phát triển mới										
a	Vốn đầu tư của dự án được bố trí vốn bắt đầu thực hiện (khởi công mới) năm hiện hành nhưng không triển khai được và không được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định										
b	Vốn thu hồi các khoản ứng trước dự toán để khởi công mới các dự án theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ										
c	Vốn đầu tư cho các dự án bắt đầu thực hiện trong năm dự toán										

d	Dự án được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt trong thời gian xét giữa 02 kế hoạch đầu tư công trung hạn và chắc chắn được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, có như cầu triển khai thực hiện ngay từ năm đầu tiên của kế hoạch trung hạn giai đoạn sau										
đ	Nghiên cứu khả thi cho các dự án được triển khai trong kế hoạch trung hạn sau										

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

7

Tên cơ quan, đơn vị ...
Chương ...

Biểu mẫu số 28

CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ NHU CẦU CHI THƯỜNG XUYÊN GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...
(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính cùng cấp)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG (*)	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC (M-1)	NĂM HIỆN HÀNH (M)			DỰ KIẾN NĂM M + 1			DỰ KIẾN NĂM M + 2		
			DỰ TOÁN GIAO	KHẢ NĂNG THỰC HIỆN	CHÊNH LỆCH THỰC HIỆN - DỰ TOÁN	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	KẾ HOẠCH LẬP NĂM TRƯỚC	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	TRẦN CHI ĐƯỢC THÔNG BÁO	KẾ HOẠCH LẬP NĂM TRƯỚC	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		1	2	3	4=3-2	5	6	7	8	9	10
	TỔNG NHU CẦU										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
1	Quốc phòng										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
3	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề										
	T.đó: - Chi thường xuyên cơ sở										
	- Chi thường xuyên mới										
4											
5											

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

7

TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 05 NĂM

(UBND cấp huyện báo cáo cơ quan Tài chính cấp trên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN					
		Tổng giai đoạn	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Ước TH Năm thứ năm
A	B	1	2	3	4	5	6
	Dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước						
1	Quốc phòng						
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội						
3	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề						
4	Khoa học và công nghệ						
5	Y tế, dân số và gia đình						
6	Văn hóa thông tin						
7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
8	Thể dục thể thao						
9	Bảo vệ môi trường						
10	Các hoạt động kinh tế						
11	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể						
12	Chi bảo đảm xã hội						
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật						

.... ngày... tháng... năm... 7

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)